

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số:109/2018/HSST
Ngày: 31-7- 2018**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Lương Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thu Lý

Bà Phạm Thị Mút.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Duy Khoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 112/2018/HSST ngày 10/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2018/QĐXXST - HS ngày 17/7/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phan Văn T**, sinh năm:1999. Tên gọi khác: H. Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã X, huyện S, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không ; Con ông: Phan Văn T (Đã chết); Con bà: Hoàng Thị Đ. Tiền án, tiền sự:

Theo bản án số 17/2018/HS-ST ngày 09/03/2018 Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hà Nội tuyên phạt Phan Văn T (Tức H) 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Theo bản án số 49/2018/HS-ST ngày 27/04/2018 Tòa án nhân dân huyện S, Thành phố Hà Nội tuyên phạt Phan Văn T (Tức H) 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp với 15 tháng giam của bản án số 17/HSST ngày 09/3/2018 của Tòa án Mê Linh buộc bị cáo phải chấp hành 27 tháng tù.

Tại bản án số 75/2018/HSST ngày 14/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B tuyên phạt Phan Văn T (Tức H) 28 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với bản án số 49/2018/HS - ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện S buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 55 tháng tù.

(Hành vi của bị cáo T thực hiện trước khi các bản án nêu trên có hiệu lực pháp luật. Do đó, bị cáo T không bị xác định là tái phạm). Hiện bị cáo Phan Văn T đang chấp hành án tại trại tạm giam số 1- Công an thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn B**, sinh năm:1999. Nơi ĐKKHKT: Thôn X, xã X, huyện S, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn D; Con bà: Đinh Thị T. Tiền án, tiền sự:

Theo bản án số 17/2018/HS-ST ngày 09/03/2018 Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hà Nội tuyên phạt Nguyễn Văn B 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Theo bản án số 49/2018/HS-ST ngày 27/04/2018 Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội tuyên phạt Nguyễn Văn B 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp 10 tháng tù của bản án số 17/HSST ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện M buộc bị cáo phải chấp hành 19 tháng tù.

Tại bản án số 75/2018/HSST ngày 14/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn B 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp với bản án số 49/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án Sóc Sơn buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 31 tháng tù.

(Hành vi của bị cáo B thực hiện trước khi các bản án nêu trên có hiệu lực pháp luật. Do đó, bị cáo B không bị xác định là tái phạm).

Hiện bị cáo Nguyễn Văn B đang chấp hành án tại trại tạm giam số 1- Công an thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Vũ Văn Th**, sinh năm:1990. Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:Không; Con ông: Vũ Văn B; Con bà: Ngô Thị X; Vợ: Đỗ Thị S; có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ** Sinh năm: 1990; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn V, con bà: Vũ Thị C; Vợ: Nguyễn Thị P; có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974. Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1958. Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn Thu Thủy, xã X, huyện S, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/11/2017 chị Nguyễn Thị Q (sn: 1974, trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội) có đơn trình báo đồn công an Nam Hồng – Công an huyện Đ về việc: Khoảng 14h00 ngày 12/11/2017 chị Q cùng con trai là cháu Dương Văn N, sinh năm 2001 đi xe máy BKS 29S1- 43689 ra đồng làm ruộng tại khu vực đồng cũ, thôn Đ, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, chị Q có để chiếc xe máy trên đường và tắt khóa điện, không có khóa cổ, khóa càng và xuống ruộng làm, ruộng cách chỗ để xe máy khoảng 10m. Đến khoảng 17h40 cùng ngày, nghe thấy tiếng xe máy nổ, chị Q nhìn lên thì thấy có 01 người điều khiển xe máy của chị phóng ra đường gom Võ Nguyên Giáp, chị Q đuổi theo nhưng không kịp.

Sau khi nhận được đơn trình báo, cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành điều tra xác định:

Khoảng 15h00' ngày 12/11/2017 bị cáo Phan Văn T (tên gọi khác: H), sinh năm 1999. HKTT: Thôn T, xã X, huyện S, Thành phố Hà Nội chuẩn bị sẵn 01 vạm phá khóa cất giấu trong người, điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu xám, không đeo biển kiểm soát (đã trộm cắp của anh Nguyễn Quyết T ngày 12/11/2017 tại Thôn B, xã Đ, huyện S, Thành phố Hà Nội) đến nhà bị cáo Nguyễn Văn B, sinh năm 1999; HKTT: Thôn X, xã X, huyện S, Thành phố Hà Nội) rủ đi trộm cắp tài sản. Bị cáo B đồng ý. B điều khiển xe máy chở T đi theo đường gom Võ Nguyên Giáp (phía Tây) hướng huyện S đi huyện Đ. Khi đi qua gầm cầu vượt Vân Trì, xã V, huyện Đ khoảng 500m, B điều khiển xe máy rẽ tay trái qua cầu chui đầu tiên rồi tiếp tục rẽ trái ra đường gom Võ Nguyên Giáp hướng Đông Anh đi Sóc Sơn. T ngồi sau nhìn thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng, BKS: 29S1 – 436.89 của chị Nguyễn Thị Q để trên đường cánh đồng thôn Đ, xã V, Đông Anh cách đường gom khoảng 10m, không có ai trông giữ. T nói với B dừng xe máy, đứng cạnh giới để T trộm cắp chiếc xe máy của chị Q, B đồng ý. T đi bộ đến vị trí chiếc xe máy của chị Q, thấy xe máy khóa cổ, không khóa càng, T tay phải lấy vạm phá khóa trong túi quần bên phải, chọc vào ổ phá khóa điện rồi đề nổ máy, quay đầu xe cùng B phóng xe về hướng huyện S, Thành phố Hà Nội tẩu thoát. T điều khiển chiếc xe máy trộm cắp

được về nhà cất giấu rồi điều khiển xe máy Wave màu xám trộm cắp ở huyện S chở B về nhà.

Sau khi đưa B về, T một mình điều khiển xe máy BKS 29S1- 436.89 vừa trộm cắp được, đến một cửa hàng sửa xe máy ở thị trấn C, huyện Y, tỉnh B gặp một người đàn ông khoảng 55 tuổi (không xác định được danh tính và tên cửa hàng) thay ổ khóa điện xe máy 02 cạnh với giá 110.000 đồng và vớt ổ khóa cũ của xe máy đã bị hỏng do bị cáo T dùng vạm phá khóa khi trộm cắp, sau đó T mang xe BKS 29S1-436.89 về nhà mình cất giấu.

Khoảng đầu tháng 11/2017, do có nhu cầu mua xe để làm phương tiện đi lại nên bị cáo Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990, HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh B) sử dụng điện thoại của mình số 0962605910 liên lạc với bị cáo Vũ Văn Th, sinh năm 1990, HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh B nhờ Thường tìm giúp mua hộ chiếc xe máy giá rẻ, xe “nhảy” Tc là xe trộm cắp mà có, không giấy tờ cũng được cũng được miễn là giá rẻ, hợp lý. Bị cáo Th đồng ý.

Do có quen biết với T nên khoảng chiều tối ngày 12/11/2017 Th sử dụng điện thoại số 0963400605 gọi điện đến số điện thoại 0973539703 của T nhờ T tìm cho chiếc xe máy giá rẻ hoặc là xe “nhảy ” (Tc là xe trộm cắp) để giới thiệu cho Đ. T bảo có chiếc xe máy Wave màu trắng xe “nhảy” (xe trộm cắp) tầm giá 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Bị cáo Th đồng ý và gọi điện và thông báo cho Đông. Đ đồng ý và bảo mang xe xuống nơi Đ làm việc để xem xe.

Khoảng 09h00’ ngày 13/11/2017, T điều khiển xe máy BKS: 29S1 – 436.89 cùng B điều khiển xe máy Wave màu xám, không đeo biển kiểm soát đến điểm hẹn gặp Th tại ngã 3 cầu N, thôn T, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Khi T và B đến cầu Lũ thuộc xã K, huyện S, Thành phố Hà Nội, bị cáo T tháo biển kiểm soát 29S1 – 436.89 lắp sang xe máy Wave xám của bị cáo B đang đi. Sau đó Th dẫn T và B đến xưởng gỗ của anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1987; trú tại: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh B) làm chủ tại thôn H, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội là nơi Đ đang làm việc. Tại đây, T nói giá bán chiếc xe là 5.500.000 đồng. Đ xem xe, thấy xe không có biển kiểm soát, không giấy tờ và biết về nguồn gốc xe là do trộm cắp mà có nhưng Đ vẫn đồng ý mua xe. T bớt cho Đ 100.000 đồng, Đông đưa 5.400.000 đồng cho bị cáo T và nhận xe máy. Sau đó T, Th, B ra về.

Trên đường về T đưa cho Th 500.000 đồng tiền công môi giới, chia cho B 2.400.000 đồng, còn lại 2.500.000 đồng T giữ lại sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

Đến khoảng 15h00’ cùng ngày, T và B điều khiển xe máy Honda Wave màu xám đeo BKS 29S1 – 436.89 của T trộm cắp trước đó đến thị trấn C, huyện Y, tỉnh B trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu DreamBKS: 99B1-040.99 của ông Nguyễn Duy T

(sinh năm 1969; trú tại: Khu P, xã Đ, Thị xã T, tỉnh B). Khi T và B về đến cầu Lũ, huyện S, Thành phố Hà Nội, T dừng xe tháo biển kiểm soát xe 29S1 – 436.89 vứt xuống bụi cây gần đó rồi tháo biển kiểm soát 99B1-040.99 lắp sang xe máy Wave của bị cáo T, rồi cùng B đi về nhà cất giấu.

Ngày 14/11/2017, T và B điều khiển xe máy nhãn hiệu Wave màu xám đeo biển kiểm soát 99B1-040.99 của T đến địa bàn huyện M, Thành phố Hà Nội trộm cắp xe máy thì bị lực lượng Công an huyện M, Thành phố Hà Nội phát hiện bắt giữ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ vật chứng:

- Cửa bị cáo Vũ Văn Th: 01 (một) điện thoại Iphone 5s, màu vàng đồng, đã cũ số Imei: 013881006426546 cùng số sim 0973539703.

- Cửa bị cáo Nguyễn Văn Đ: 01 (một) điện thoại Iphone 5s, màu vàng, đã cũ cùng sim số 0962605910.

Ngày 24/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ định giá kết luận: Chiếc xe máy Honda wave màu trắng BKS: 29S1 – 436.89 của chị Q trị giá: **11.900.000đ** (*Mười một triệu chín trăm nghìn đồng*).

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Phan Văn T, Nguyễn Văn B, Vũ Văn Th và Nguyễn Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được có trong hồ sơ.

Quá trình điều tra xác định: Ngoài vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đ, Thành phố Hà Nội, bị cáo Phan Văn T và bị cáo Nguyễn Văn B còn thực hiện các vụ trộm cắp xe máy trên các địa bàn huyện M, Thành phố Hà Nội, huyện S, Thành phố Hà Nội; huyện Y, tỉnh B. Hành vi trộm cắp xe máy của các bị cáo T và B đã được Cơ quan điều tra, truy tố, xét xử huyện M, huyện S, Thành phố Hà Nội và huyện Y, tỉnh B thụ lý giải quyết.

Đối với chiếc xe máy Honda Wave màu trắng BKS 29S1 – 436.89 của chị Nguyễn Thị Q bị T và B trộm cắp: Ngày 17/11/2017, bà Hoàng Thị Đ là mẹ của bị cáo T đã nhờ và đưa cho chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1976; trú tại: Thôn X, xã K, huyện S, Thành phố Hà Nội là mẹ chị Nguyễn Thị L bạn gái bị cáo T) số tiền 5.500.000đồng để đến gặp các bị cáo Th và Đ chuộc lại chiếc xe máy không đeo biển kiểm soát, số khung: RLHHC1217DY449401; số máy: HC12E-5449468 của chị Q bị trộm cắp và giao nộp cho Công an huyện M, Thành phố Hà Nội. Ngày 19/01/2018 Công an huyện M, Thành phố Hà Nội đã xử lý vật chứng trả cho chị Nguyễn Thị Q. Sau khi nhận lại tài sản chị Q không yêu cầu bồi thường và đề nghị xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với biển kiểm soát 29S1-436.89, bị cáo T khai sau khi trộm cắp đã vứt xuống bụi cỏ gần cầu Lũ thuộc xã K, huyện S, Thành phố Hà Nội, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Wave, sơn màu xám, BKS: 29S6-255.51 do T và B trộm cắp ở huyện S là vật chứng vụ án Trộm cắp tài sản, xảy ra ngày 12/11/2017 trên địa bàn huyện S, Thành phố Hà Nội, người bị hại là anh Nguyễn Quyết T, Cơ quan điều tra – Công an huyện M, Hà Nội đã tạm giữ và xử lý vật trao trả cho anh T.

Đối với chiếc xe máy Honda Dream, BKS: 99B1-040.99, SK: 0804AY131780; SM: A08E-1431812 mà T và B trộm cắp của ông Nguyễn Duy T vào chiều ngày 13/11/2017 trên địa bàn Thị trấn C, huyện Y, tỉnh B là vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra – Công an huyện M, Thành phố Hà Nội đã tạm giữ và xử lý vật chứng trả cho ông T.

Đối với 01 (một) điện thoại Iphone 5s, màu vàng đồng cùng số sim 0973539703 của bị cáo Th và 01 (một) điện thoại Iphone 5s, màu vàng, đã cũ cùng sim số 0962605910 của bị cáo Đ là công cụ các bị cáo liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội chuyển Tòa án giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với chiếc vạm phá khóa xe máy, bị cáo T dùng để phá khóa điện, trộm cắp xe máy của chị Q, Cơ quan điều tra – Công an huyện M đã tạm giữ, chuyển Tòa án nhân dân huyện M giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với Bà Hoàng Thị Đ (là mẹ bị cáo T) sống chung cùng bị cáo T, khi bị cáo T mang xe máy do trộm cắp mà có về nhà cất giấu, bà Đ không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn T, chủ xưởng gỗ nơi bị cáo Đ làm thuê, không biết việc các bị cáo mua bán xe máy do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại cáo trạng số 110/CT - VKSĐA ngày 05/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Phan Văn T, Nguyễn Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Truy tố các bị cáo Vũ Văn Th, Nguyễn Văn Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Phan Văn T, Nguyễn Văn B, Vũ Văn Th, Nguyễn Văn Đ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, không kêu oan và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho mình một phần hình phạt

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố các bị

cáo về tội danh và điều luật như Cáo Trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt:

- Phan Văn T từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt bản án số 75/2018/HSST ngày 14/6/2018 của Tòa án Nhân dân Huyện Y, tỉnh B.

- Nguyễn Văn B từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt bản án số 75/2018/HSST ngày 14/6/2018 của Tòa án Nhân dân Huyện Y, tỉnh B.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 65; Điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt:

Vũ Văn Th từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 65; Điểm s, i khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt:

Nguyễn Văn Đ từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung công: - 01 (một) điện thoại Iphone 5s, màu vàng đồng, đã cũ số Imei: 013881006426546 cùng số sim 0973539703 thu giữ của Vũ Văn Th.

- 01 (một) điện thoại Iphone 5s, màu vàng, đã cũ cùng sim số 0962605910 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Đ.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo do các bị cáo không có công ăn việc làm, nghề nghiệp ổn định. Bị cáo Đ thuộc gia đình hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 15h00 ngày 12/11/2017 bị cáo Phan Văn T, Nguyễn Văn B có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy Honda Wave màu trắng BKS: 29S1- 436.89 của chị Nguyễn Thị Q tại Cánh đồng thôn Đ, xã V, huyện Đ, Hà Nội. Trị giá tài sản bị trộm cắp: 11.900.000 đồng (*Mười một triệu, chín trăm nghìn đồng*) nên bị cáo T và B phạm tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo Th biết chiếc xe là do trộm cắp mà có nhưng vẫn giới thiệu cho bị cáo T, B bán chiếc xe máy trộm cắp nêu trên cho bị cáo Đ với giá 5.400.000 đồng. Quá trình mua và bán chiếc xe nêu trên bị cáo Đ nhận thức rõ chiếc xe máy là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua do ham giá rẻ nên phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về nhân thân:

- Bị cáo **Phan Văn T** theo bản án số 17/2018/HS-ST ngày 09/03/2018 Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội tuyên phạt Phan Văn T (tức H) 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Theo bản án số 49/2018/HS-ST ngày 27/04/2018 Tòa án nhân dân huyện S, Thành phố Hà Nội tuyên phạt Phan Văn T (tức H) 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp với 15 tháng tù giam của bản án số 17/HSST ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện M buộc bị cáo phải chấp hành 27 tháng tù. Tại bản án số 75/2018/HSST ngày 14/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B tuyên phạt Phan Văn T (tức H) 28 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với bản án số 49/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện S, Thành phố Hà Nội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 55 tháng tù.

- Bị cáo **Nguyễn Văn B** theo bản án số 17/2018/HS-ST ngày 09/03/2018 Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội tuyên phạt Nguyễn Văn B 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Theo bản án số 49/2018/HS-ST ngày 27/04/2018 Tòa án nhân dân huyện S, Thành phố Hà Nội tuyên phạt Nguyễn Văn B 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp 10 tháng tù của bản án số 17/HSST ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện M buộc bị cáo phải chấp hành 19 tháng tù. Tại bản án số 75/2018/HSST ngày 14/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn B 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp với bản án số 49/2018/HS-ST ngày 27/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện S buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 31 tháng tù.

- Bị cáo Vũ Văn Th và Nguyễn Văn Đ chưa có tiền án, tiền sự.

[3] Các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo Phan Văn T, Nguyễn Văn B thực hiện phạm tội trước khi các bản án nêu trên có hiệu lực pháp luật nên không xác định là tái phạm. Tuy nhiên, các bị cáo là những người có nhân thân xấu.

Các bị cáo Vũ Văn Th, Nguyễn Văn Đ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Ngoài ra bị cáo Th tự nguyện nộp số tiền 1.000.000đ vào ngân sách nhà nước; gia đình bị cáo Đ là hộ nghèo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015. Theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 và hướng dẫn tại mục a và mục b8 khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2013/NQ - HĐTP ngày 06/11/2013 của Toà án nhân dân Tối cao. Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội với thời gian thử thách nhất định dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 5 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015 phạt tiền các bị cáo Vũ Văn Th, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

[5] Về xử lý vật chứng vụ án: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Đối với chiếc xe máy Honda Wave màu trắng BKS 29S1 – 436.89 của chị Nguyễn Thị Q bị T và B trộm cắp: Ngày 19/01/2018 Công an huyện M, Thành phố Hà Nội đã xử lý vật chứng trả cho chị Nguyễn Thị Q là có căn cứ.

- Cần tịch thu sung công: 01 (một) điện thoại Iphone 5s thu giữ của Vũ Văn Th, màu vàng đồng, đã cũ số Imei: 013881006426546 cùng số sim 0973539703; 01 (một) điện thoại Iphone 5s thu giữ của Nguyễn Văn Đ màu vàng, cùng sim số 0962605910.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, bị hại là chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Đ không yêu cầu bị cáo Phan Văn T bồi thường số tiền bà bỏ ra để chuộc chiếc xe máy để trả cho chị Q.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. **Tuyên bố:** Các bị cáo Phan Văn T, Nguyễn Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Các bị cáo Vũ Văn Th, Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt:

Phan Văn T 12 (Mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt bản án số 75/2018/HSST ngày 14/6/2018 của Tòa án Nhân dân huyện Y, tỉnh B là 55 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 05 (năm) năm 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2017.

Nguyễn Văn B 12 (Mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt bản án số 75/2018/HSST ngày 14/6/2018 của Tòa án Nhân dân Huyện Y, tỉnh B là 31 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 43 (Bốn mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2017.

- Khoản 1, 5 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 35, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt:

Vũ Văn Th: 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt tiền đối với bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), được trừ vào số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) bị cáo đã nộp theo biên lai số AA/2014/04522 ngày 25/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bị cáo Th còn phải nộp 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Nguyễn Văn Đ: 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt tiền đối với bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Giao các bị cáo Vũ Văn Th, Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh B quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tịch thu sung công: 01 (một) điện thoại Iphone 5s, màu vàng đồng, số Imei: 013881006426546 cùng số sim 0973539703 thu giữ của bị cáo Vũ Văn Th; 01 (một) điện thoại Iphone 5s, màu vàng, cùng sim số 0962605910 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Đ. Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Các bị cáo Phan Văn T, Nguyễn Văn B, Vũ Văn Th, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Hoàng Thị Đ có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản tổng đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Lương Vân

